

Số: 54 /QĐ-YHCT

Đồng Tháp, ngày 17 tháng 02 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Nội dung thực hành khám bệnh, chữa bệnh
tại bệnh viện Y học cổ truyền Đồng Tháp**

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN Y HỌC CỔ TRUYỀN ĐỒNG THÁP

Căn cứ Quyết định số 405/QĐ-SYT ngày 21 tháng 4 năm 2023 của Sở Y tế Đồng Tháp về việc ban hành chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và mối quan hệ công tác của Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Đồng Tháp;

Căn cứ Quyết định số 39/2023/QĐ-UBND ngày 12 tháng 10 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp Ban hành quy định phân cấp về quản lý tổ chức bộ máy và cán bộ, công chức, viên chức, người làm việc tại hội trong cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, các hội trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp;

Căn cứ Tờ trình số 08/TTr-KHTH ngày 17 tháng 02 năm 2025 của Phòng Kế hoạch tổng hợp – Công nghệ thông tin về việc ban hành Nội dung thực hành khám bệnh, chữa bệnh tại bệnh viện Y học cổ truyền Đồng Tháp (Đối với Điều dưỡng);

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Tổ chức – Hành chính, Bệnh viện Y học cổ truyền Đồng Tháp.

QUYẾT ĐỊNH:

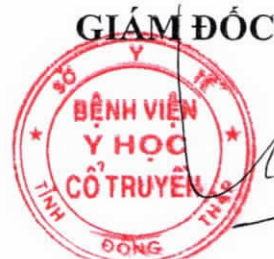
Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Nội dung thực hành khám bệnh, chữa bệnh tại bệnh viện Y học cổ truyền Đồng Tháp. (Đối với Điều dưỡng).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng phòng Tổ chức – Hành chính, Trưởng Phòng Kế hoạch tổng hợp – Công nghệ thông tin, Trưởng các Khoa, Phòng trong Bệnh viện chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu VT, TCHC.



Huỳnh Kim Lâm

NỘI DUNG THỰC HÀNH KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH ĐỐI VỚI ĐIỀU DƯỠNG

(Kèm Quyết định số 54/QĐ-YHCT ngày 17 tháng 02 năm 2025 của Bệnh viện
Y học cổ truyền Đồng Tháp)

I. Đối tượng, địa điểm thực hành:

1. Đối tượng đăng ký thực hành:

Người có văn bằng được Bộ Y tế công nhận: Điều dưỡng

2. Địa điểm thực hành:

- Căn cứ vào đối tượng thực hành, bệnh viện phân bổ về các khoa lâm sàng phù hợp với nội dung thực hành khám bệnh, chữa bệnh theo quy định của Bộ Y tế.

- Điều kiện người hướng dẫn thực hành và tổ chức thực hành tại bệnh viện theo quy định tại Mục 1 Chương II Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều của Luật khám bệnh, chữa bệnh.

II. Tổ chức thực hiện:

1. Thời gian thực hành:

- Tổng thời gian thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh là 06 tháng được phân theo từng chuyên khoa như sau:

+ Thời gian thực hành khám bệnh, chữa bệnh về Hồi sức cấp cứu: 01 tháng.

+ Thời gian thực hành khám bệnh, chữa bệnh luân phiên tại các khoa lâm sàng (Nội tổng hợp, Phục hồi chức năng, Ngoại phụ): 05 tháng.

2. Mục tiêu thực hành:

Sau khi thực hành 06 tháng, điều dưỡng cần đạt được:

a. Kiến thức:

- Nắm rõ được các bước của quy trình của điều dưỡng.

- Hiểu rõ được các quy định về quản lý, vận hành, bảo dưỡng, và sử dụng các trang thiết bị phục vụ cho công tác khám chữa bệnh và chăm sóc người bệnh.

- Nhận dạng được các tình huống áp dụng phòng ngừa chuẩn trong chăm sóc người bệnh, thực hiện các kỹ thuật liên quan đến công tác điều dưỡng.

- Xác định được nhu cầu tư vấn, giáo dục sức khỏe phù hợp với người bệnh và gia đình người bệnh.

- Nắm được các văn bản quy phạm pháp luật, các quy định liên quan đến công tác điều dưỡng trong Bệnh viện.

b. Kỹ năng

- Áp dụng được quy trình điều dưỡng vào thực hành trong chăm sóc người bệnh và thực hiện các kỹ thuật trong khám chữa bệnh.

- Thực hiện các kỹ thuật điều dưỡng cơ bản và thực hiện các kỹ thuật trong khám chữa bệnh trên người bệnh đảm bảo an toàn và hiệu quả.

- Phát hiện sớm các diễn biến bất thường trên người bệnh để đưa ra quyết định xử trí ban đầu và phối hợp với các thành viên trong nhóm thực hiện sơ cứu, cấp cứu kịp thời và có hiệu quả.

- Thực hiện đúng quy trình thực hành phòng ngừa chuẩn và kiểm soát nhiễm khuẩn bệnh viện.

- Thực hiện đúng các quy định về an toàn người bệnh trong thực hành và báo cáo sự cố y khoa.

- Giao tiếp với người bệnh, người nhà người bệnh và đồng nghiệp đúng mực và phù hợp với văn hóa, tín ngưỡng.

- Cung cấp thông tin liên quan đến chăm sóc người bệnh, gia đình người bệnh đầy đủ và kịp thời.

- Giáo dục sức khỏe và tư vấn cho người bệnh, gia đình người bệnh phù hợp.

c. Thái độ:

- Tuân thủ đúng các quy định của Pháp luật liên quan, các quy định về đạo đức nghề nghiệp, mối quan hệ giữa người thầy thuốc với người bệnh, người nhà người bệnh, đồng nghiệp.

- Tác phong cẩn thận, tỷ mỉ, trung thực, tôn trọng, hợp tác với người bệnh, đảm bảo an toàn khi chăm sóc người bệnh, chịu trách nhiệm cá nhân khi thực hành nghề nghiệp.

3. Nội dung thực hành:

3.1. Kết cấu nội dung: Bao gồm các phần sau:

- Hồi sức cấp cứu 01 tháng

- Khoa lâm sàng (Nội tổng hợp, Ngoại phụ, Phục hồi chức năng) 05 tháng, cụ thể như sau:

STT	KHOA LÂM SÀNG	THỜI GIAN THỰC HÀNH
1	Nội tổng hợp	03 tháng
2	Ngoại phụ	01 tháng
3	Phục hồi chức năng	01 tháng
TỔNG CỘNG		05 tháng

3.2. Nội dung:

3.2.1. Hồi sức cấp cứu:

- Phát hiện, chẩn đoán, tiên lượng các bệnh cấp cứu thường gặp

- Xử lý ban đầu được một số bệnh cấp cứu.

- Trong quá trình học chú ý một số bệnh sau đây:

STT	Bệnh lý
1	Hôn mê
2	Ngừng hô hấp, tuần hoàn
3	Đột quỵ não cấp

4	Cơn đau thắt ngực, Nhồi máu cơ tim cấp
5	Cơn tăng huyết áp
6	Suy hô hấp cấp
7	Xuất huyết tiêu hóa
8	Phản vệ

3.2.2. Các chuyên khoa khác:

❖ Lý thuyết:

STT	Nội dung
1	Điều dưỡng cơ bản
2	Kết hợp Y học hiện đại và y học cổ truyền trong chăm sóc người bệnh đột quỵ
3	Kết hợp Y học hiện đại và y học cổ truyền trong chăm sóc người bệnh phẫu thuật trĩ
4	Kết hợp Y học hiện đại và y học cổ truyền trong chăm sóc người bệnh cơ xương khớp
5	Quy định pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh
6	Quy chế chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp
7	An toàn người bệnh
8	Kỹ năng giao tiếp và ứng xử của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh
9	Kiểm soát nhiễm khuẩn cơ bản
10	Tham gia hội thảo khoa học, tập huấn chuyên môn, bình bệnh án tại bệnh viện (nếu có)

❖ Thực hành:

Thực hiện được kỹ thuật chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh của người hành nghề chức danh điều dưỡng theo Phụ lục XII, Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế, danh sách cụ thể:

TT	DANH MỤC KỸ THUẬT
	CHUNG
1	Băng ép cầm máu
2	Bóp bóng Ambu qua mặt nạ
3	Cạo râu
4	Cắt chỉ
5	Cắt lọc tổ chức hoại tử hoặc cắt lọc vết thương
6	Cắt móng chân, chăm sóc móng chân
7	Cắt móng tay/chân
8	Cắt/cạo tóc
9	Cấp cứu cao huyết áp

10	Cấp cứu ngừng tim
11	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp cơ bản
12	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp nâng cao
13	Cấp cứu ngừng thở
14	Cấp cứu tụt huyết áp
15	Cố định lồng ngực do chấn thương gãy xương sườn
16	Chăm sóc bệnh nhân điều trị trong phòng vô trùng
17	Chăm sóc lỗ mở khí quản (một lần)
18	Chăm sóc ống nội khí quản (một lần)
19	Chăm sóc ống thông bàng quang
20	Cho ăn qua ống thông dạ dày (một lần)
21	Chuẩn bị người bệnh trước phẫu thuật
22	Đánh giá độ đau bằng các thang điểm
23	Đánh giá huyết áp
24	Đánh giá mạch
25	Đánh giá nhịp thở
26	Đánh giá rối loạn nuốt
27	Đánh giá tình trạng dinh dưỡng theo chỉ số nhân trắc cho người bệnh
28	Đánh giá, nhận định người bệnh
29	Đặt canuyn mũi hầu, miệng hầu
30	Đặt ống thông dạ dày
31	Đặt ống thông dẫn lưu bàng quang
32	Đặt ống thông hậu môn
33	Điện tim thường
34	Đo chỉ số ABI (chỉ số cổ chân/cánh tay)
35	Đo chỉ số cổ chân - cánh tay (ABI)
36	Đo ECG 12 chuyển đạo tại chỗ
37	Đo lượng nước tiểu 24 giờ
38	Đo thân nhiệt bằng nhiệt kế
39	Ghi điện tim cấp cứu tại giường
40	Ghi điện tim thường
41	Hút đờm hầu họng
42	Hút đờm qua ống nội khí quản/canuyn mở khí quản bằng ống thông kín (có thở máy) (một lần hút)
43	Hút đờm qua ống nội khí quản/canuyn mở khí quản bằng ống thông một lần ở người bệnh không thở máy (một lần hút)
44	Hút đờm qua ống nội khí quản/canuyn mở khí quản bằng ống thông một lần ở người bệnh có thở máy (một lần hút)
45	Hướng dẫn kỹ thuật tiêm Insulin
46	Hướng dẫn người bệnh kỹ thuật chuyên môn tự thực hiện tại nhà trước khi ra viện
47	Hướng dẫn người bệnh kỹ thuật chuyên môn tự thực hiện trong quá trình điều trị
48	Hướng dẫn người bệnh sử dụng bình hít định liều
49	Hướng dẫn người bệnh sử dụng bình xịt định liều
50	Kỹ thuật đánh giá đau cho người bệnh
51	Kỹ thuật đánh giá, phân cấp chăm sóc cho người bệnh
52	Kỹ thuật gọi đầu cho người bệnh tại giường
53	Kỹ thuật hỗ trợ người bệnh di chuyển bằng xe lăn

54	Kĩ thuật hỗ trợ người bệnh tập đi bằng xe chữ U
55	Kỹ thuật băng chun mồm cụt chỉ dưới
56	Kỹ thuật băng chun mồm cụt chỉ trên
57	Kỹ thuật bơm thuốc qua ống thông mũi - dạ dày
58	Kỹ thuật bơm, kiểm tra áp lực bóng chèn NKQ/MKQ
59	Kỹ thuật cố định NB kích động
60	Kỹ thuật chăm sóc dẫn lưu
61	Kỹ thuật chăm sóc hậu môn, sinh dục
62	Kỹ thuật chăm sóc ống thông mạch máu
63	Kỹ thuật chăm sóc ống thông tiểu lưu
64	Kỹ thuật cho người bệnh ăn qua đường miệng
65	Kỹ thuật cho người bệnh có rối loạn về nuốt ăn
66	Kỹ thuật cho người bệnh uống thuốc
67	Kỹ thuật chuyển người bệnh hạn chế vận động
68	Kỹ thuật dẫn lưu tư thế điều trị phù do nguyên nhân tắc mạch bạch huyết
69	Kỹ thuật đặt ống thông tiểu 1 lần
70	Kỹ thuật đặt ống thông tiểu liên tục
71	Kỹ thuật đặt tư thế đúng cho người bệnh liệt nửa người
72	Kỹ thuật đo chiều cao, cân nặng
73	Kỹ thuật đo vòng bụng
74	Kỹ thuật đo vòng cánh tay
75	Kỹ thuật garo cầm máu
76	Kỹ thuật ho khạc đờm bằng khí dung nước muối ưu trương
77	Kỹ thuật lấy dịch tỵ hầu để xét nghiệm
78	Kỹ thuật lấy đờm tác động bằng vỗ rung
79	Kỹ thuật lấy máu tĩnh mạch (một lần chọc kim qua da)
80	Kỹ thuật lấy máu tĩnh mạch ben
81	Kỹ thuật lấy mũi làm xét nghiệm
82	Kỹ thuật lấy nước tiểu 24h
83	Kỹ thuật lấy nước tiểu ở người bệnh có đặt dẫn lưu nước tiểu
84	Kỹ thuật lấy nước tiểu thường quy
85	Kỹ thuật lấy phân xét nghiệm
86	Kỹ thuật rút ống dẫn lưu
87	Kỹ thuật rút ống thông tiểu lưu
88	Kỹ thuật sưởi ấm cơ thể bằng nhiệt
89	Kỹ thuật tắm cho người bệnh
90	Kỹ thuật tập thở cơ hoành
91	Kỹ thuật tập thở với dụng cụ
92	Kỹ thuật tiêm tĩnh mạch qua cổng tiêm thuốc
93	Kỹ thuật thay băng lỗ mở khí quản
94	Kỹ thuật thông tiểu ngắt quãng trong phục hồi chức năng tùy sống
95	Kỹ thuật thực hiện bôi thuốc ngoài da
96	Kỹ thuật vệ sinh răng miệng cho người bệnh
97	Kỹ thuật vệ sinh răng miệng cho người bệnh có ống NKQ hoặc người bệnh thở máy
98	Kỹ thuật vỗ rung dẫn lưu tư thế
99	Kỹ thuật vỗ rung lồng ngực

100	Kỹ thuật xoa bóp chân bằng máy cho người bệnh đái tháo đường
101	Kỹ thuật xoa bóp điều trị dự phòng loét (loét độ I)
102	Kỹ thuật xoa bóp vùng
103	Kỹ thuật xoay chuyển bệnh nhân dự phòng loét tỳ đè
104	Kỹ thuật xoay chuyển người bệnh dự phòng loét tỳ đè
105	Kỹ thuật xử trí loét do đè ép độ I, độ II
106	Kỹ thuật xử trí loét do đè ép độ III
107	Kỹ thuật xử trí loét do đè ép độ IV
108	Khí dung mũi họng
109	Khí dung thuốc cấp cứu (một lần)
110	Khí dung thuốc giãn phế quản
111	Khí dung thuốc qua thở máy (một lần)
112	Làm sạch, loại bỏ tổn thương da, phục hồi da bệnh lý
113	Lấy máu tĩnh mạch bẹn
114	Liệu pháp giảm đau không dùng thuốc
115	Lượng giá chức năng sinh hoạt hàng ngày
116	Lưu kim luôn tĩnh mạch để tiêm thuốc
117	Nuôi dưỡng bằng đường tĩnh mạch
118	Nuôi dưỡng người bệnh bằng đường truyền tĩnh mạch ngoại biên ≤ 8 giờ
119	Nuôi dưỡng qua ống thông dạ dày
120	Nhận định, đánh giá khẩu phần dinh dưỡng trong 24 giờ qua
121	Rửa bằng quang
122	Sàng lọc nguy cơ dinh dưỡng
123	Săn sóc theo dõi ống thông tiêu
124	Sơ cứu, cấp cứu tổn thương bỏng nhiệt+
125	Tập các kiểu thở
126	Tập lăn trở khi nằm
127	Tập nằm đúng tư thế cho người bệnh liệt tủy*
128	Tập ngồi thẳng bằng tĩnh và động*
129	Tập thay đổi tư thế từ nằm sang ngồi
130	Tập thay đổi tư thế từ ngồi sang đứng
131	Tập vận động có trợ giúp
132	Tập vận động thụ động
133	Tiêm té bào gốc qua đường tiêm bắp
134	Tiêm tĩnh mạch, truyền tĩnh mạch
135	Tiêm trong da; tiêm dưới da; tiêm bắp thịt
136	Thay băng các vết loét hoại tử rộng sau TBMMN
137	Thay băng điều trị vết thương mạn tính
138	Thay băng vết mổ
139	Thay băng vết thương mồm cụt chi
140	Thay băng vết thương, vết loét trên người bệnh đái tháo đường
141	Thay băng vết thương, vết mổ chiều dài ≤ 15 cm
142	Thay băng vết thương, vết mổ nhiễm trùng chiều dài dưới 15 cm
143	Theo dõi diện tim cấp cứu tại giường liên tục ≤ 8 giờ
144	Theo dõi huyết áp không xâm lấn bằng máy
145	Theo dõi huyết áp liên tục không xâm nhập tại giường ≤ 8 giờ
146	Theo dõi khẩu phần dinh dưỡng trong 24 giờ

147	Theo dõi SpO ₂
148	Theo dõi SPO ₂ liên tục tại giường
149	Theo dõi SPO ₂ liên tục tại giường ≤ 8 giờ
150	Theo dõi thân nhiệt với nhiệt kế thường qui
151	Theo dõi và chăm sóc người bệnh sóc phản vệ 72 giờ đầu
152	Thở oxy qua gọng kính (≤ 8 giờ)
153	Thở oxy qua mặt nạ có túi không hít lại (túi có van) (≤ 8 giờ)
154	Thở oxy qua mặt nạ không có túi (≤ 8 giờ)
155	Thở oxy qua ống chữ T (T-tube) (≤ 8 giờ)
156	Thở ô xy qua mặt nạ có túi có hít lại (túi không có van) (≤ 8 giờ)
157	Thủ thuật Heimlich
158	Thủ thuật Heimlich (lấy dị vật đường thở) cho người lớn và trẻ em
159	Thụt giữ
160	Thụt tháo chuẩn bị sạch đại tràng
161	Thụt tháo phân
162	Truyền dịch thường qui
163	Truyền dịch trong sóc
164	Truyền tĩnh mạch
165	Truyền tĩnh mạch qua máy
166	Vệ sinh miệng ở bệnh nhân hồi sức
167	Xoa bóp phòng chống loét trong các bệnh thần kinh (một ngày)
168	Xoay trở bệnh nhân thở máy
	Y HỌC CỔ TRUYỀN
169	Cứu
170	Chườm ngải
171	Luyện tập dưỡng sinh
172	Xoa bóp bấm huyệt bằng tay
173	Xoa bóp bấm huyệt cho trẻ nhi

4. Tổ chức kiểm tra và xác nhận quá trình thực hành:

4.1. Tổ chức kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề:

Sau khi người thực hành kết thúc thời gian thực hành theo quy định trên, bệnh viện tổ chức đánh giá năng lực hành nghề khám bệnh, chữa bệnh của đối tượng hành nghề dựa trên chuẩn năng lực nghề nghiệp tương ứng với từng chức danh: bệnh viện xây dựng bộ câu hỏi theo 2 phần thi: Lý thuyết và Thực hành với thang điểm 10 (mức đạt là từ 7 điểm trở lên).

4.2. Xác nhận quá trình thực hành:

Sau khi hoàn thành thực hành và có kết quả đánh giá, nhận xét của người hướng dẫn thực hành đối với người hướng dẫn thực hành, bệnh viện có trách nhiệm:

Cấp giấy chứng nhận hoàn thành quá trình thực hành cho người thực hành theo Mẫu 07 Phụ lục I theo Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính Phủ.

III. Thời gian thực hiện:

- Đối tượng đăng ký thực hành khám bệnh, chữa bệnh tại Bệnh viện Y học Cổ truyền Đồng Tháp thực hành theo nội dung này kể từ ngày ký.